

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2022

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

2. Bà **Nguyễn Thị Kiều Phương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2021/QĐST - DS ngày 30/12/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Huyền A – sinh năm: 1990;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

**Bị đơn:* Lê Hồng B - sinh năm: 1983;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

Chị A có đơn xin vắng mặt;

Anh B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền A trình bày:*

- Về tình cảm: Tôi và anh B sống chung và cưới nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài. Hiện nay chúng tôi đã ly thân. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 01 con chung, tên là Lê Hồng C sinh ngày 24/05/2008. Khi ly hôn tôi để cháu C cho anh B nuôi dưỡng và tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Hồng B vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị A và anh B là có thật, hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị A là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: cháu C đang sống chung với anh B, vì thế, việc chị A đồng ý để cháu C cho anh B nuôi dưỡng là có cơ sở, ngoài ra, cháu C cũng có nguyện vọng được sống chung với anh B nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận để cháu C cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị A không cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Huyền A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hồng B giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị A. Riêng đối với anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, do đó chị A yêu cầu ly hôn với anh B. Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, từ đó cho thấy anh B không muốn hàn gắn hay níu kéo mối quan hệ vợ chồng với chị A, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Hồng C sinh ngày 24/05/2008. Xét thấy, cháu C đang sống ổn định với anh B, vì thế, việc chị A để cho anh B được tiếp tục nuôi con là có cơ sở, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu C nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, anh B vắng mặt không có yêu cầu nên chị A không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền A

1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Huyền A được ly hôn với anh Lê Hồng B

2. Về con chung:

+ Giao cháu Lê Hồng C - sinh ngày 24/05/2008 cho anh Lê Hồng B tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Chị Nguyễn Thị Huyền A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Chị Nguyễn Thị Huyền A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cản.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004916 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, như vậy chị A đã thi hành xong.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N, huyện CG, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

